

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CHUẨN ĐẦU RA
CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

Thanh Hóa, năm 2019

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc đại học
của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ vào Quyết định số: 1221/TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng VHNT Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số Số: 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Trường Đại học;

Căn cứ Công văn 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/04/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-ĐVTDT ngày 18/4/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định xây dựng, rà soát và phát triển chuẩn đầu ra năm 2018;

Căn cứ Kết luận số 690/KL-ĐVTDT ngày 16/7/2019 của Hội đồng Khoa học Đào tạo trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc thông qua chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành “Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc đại học của trường trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa” (có văn bản chi tiết kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông/bà Trưởng các đơn vị trong Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các PHT (b/cáo);
- Như điều 3 (t/hiện);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VP, các khoa đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Trần Văn Thúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC 17 NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
(Ban hành kèm theo quyết định số 738b/QĐ-ĐVTDĐT ngày 2 tháng 08 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

TT	Tên chương trình dạy học
1.	Chuẩn đầu ra ngành Giáo dục mầm non
2.	Chuẩn đầu ra ngành Sư phạm Âm nhạc
3.	Chuẩn đầu ra ngành Sư phạm Mỹ thuật
4.	Chuẩn đầu ra ngành Thanh Nhạc
5.	Chuẩn đầu ra ngành Thiết kế thời trang
6.	Chuẩn đầu ra ngành Đồ họa
7.	Chuẩn đầu ra ngành Du lịch
8.	Chuẩn đầu ra ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành
9.	Chuẩn đầu ra ngành Quản trị khách sạn
10.	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý thể dục thể thao
11.	Chuẩn đầu ra ngành Ngôn ngữ Anh
12.	Chuẩn đầu ra ngành Luật
13.	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý nhà nước
14.	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý văn hóa
15.	Chuẩn đầu ra ngành Công tác xã hội
16.	Chuẩn đầu ra ngành Công nghệ truyền thông
17.	Chuẩn đầu ra ngành Thông tin thư viện

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 08 năm 2019

CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành: Quản lý Văn hóa

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 748b /QĐ-ĐVTDT ngày 02 tháng 08 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

- 1. Ngành/Chuyên ngành đào tạo:** Quản lý Văn hóa
- 2. Mã chuyên ngành:** 52220342
- 3. Trình độ đào tạo:** Đại học
- 4. Loại hình đào tạo:** Chính quy
- 5. Điều kiện tuyển sinh:**

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, theo đề án của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp.

7. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Quản lý Văn hóa

8. Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý Văn hóa có mục tiêu chung là đào tạo cử nhân Quản lý Văn hóa có phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực văn hóa; Nắm vững các kiến thức chuyên sâu về văn hóa Việt Nam, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về văn hóa – nghệ thuật; Tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật, các sự kiện văn hóa tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; Có khả năng nghiên cứu, làm việc độc lập, sáng tạo và phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý văn hóa góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam, sẵn sàng hội nhập văn hóa thế giới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

- M1: Nắm vững kiến thức giáo dục đại cương, bao gồm các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có chứng chỉ Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng. Nâng cao kiến thức ngoại ngữ về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- M2: Có kiến thức chuyên môn vững chắc về lĩnh vực văn hóa: các kiến thức cơ bản về khoa học quản lý, xã hội học văn hóa; các kiến thức chuyên sâu về văn hóa Việt Nam, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về văn hóa – nghệ thuật; các kiến thức nghiệp vụ về quản lý nước về văn hóa, quản lý di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, quản lý dự án văn hóa, quản lý hoạt động nghệ thuật biểu diễn, quản lý nguồn nhân lực văn hóa, xây dựng văn hóa ở cơ sở, quản lý các thiết chế văn hóa; các kiến thức về tổ chức một chương trình nghệ thuật, lễ hội, sự kiện văn hóa ở cơ sở.

- M3: Có đủ kiến thức phát hiện, triển khai nghiên cứu và ứng dụng nghiệp vụ về quản lý nước về văn hóa vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp. Có kiến thức cơ bản để

giải quyết các mối quan hệ trong tổ chức, điều hành, quản lý về công tác quản lý nhà nước về văn hóa.

2.2. Kỹ năng

- M4: Có năng lực vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn ngành Quản lý văn hóa và khả năng tư duy logic, hệ thống khi tác nghiệp; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng điều hành các tổ chức quản lý và hoạt động văn hóa, nghệ thuật ở các cấp.

M5: Thành thạo các kỹ năng quản lý, nghiên cứu đề xuất chính sách văn hóa; kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức các chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật của quần chúng nhân dân, hoạt động sinh hoạt tập thể tại các cơ quan và địa phương; các kỹ năng chỉ đạo và giám sát việc thực hiện hoạt động văn hóa ở các thiết chế văn hóa và các tổ chức văn hóa xã hội khác trong cộng đồng.

- M6: Có kỹ năng làm việc nhóm; khả năng tự học, tự nghiên cứu; khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập.

2.3. Thái độ

- Có phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt, đảm bảo các chuẩn mực xã hội, chuẩn mực ngành. Có phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của hoạt động thiết kế và tổ chức thực hiện hoạt động nghiệp vụ quản lý văn hóa.

- Có ý thức trách nhiệm của người công dân đối với Tổ quốc, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, lòng yêu nghề, tận tụy, say mê với công việc; Ý thức kỷ luật, tự trọng nghề nghiệp cao và tác phong nhanh nhẹn, tháo vát.

- Có ý thức sẵn sàng phục vụ thông tin cho cộng đồng. Có đạo đức nghề nghiệp trong sáng, tận tụy. Có ý thức thực hiện tốt các quy định của ngành. Có tình yêu đối với nghề nghiệp.

- Có tinh thần trách nhiệm cao trong việc tự học, tự nghiên cứu và khiêm tốn, tích cực học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, phát triển sự nghiệp quản lý văn hóa.

2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- M7: Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm theo từng yêu cầu công việc và nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân, tổ chức khác trong công việc. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có

sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;

- M8: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực văn hóa.

- M9: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

III. CHUẨN ĐẦU RA (Theo quy định tại Thông tư 07/2015)

1. Kiến thức

**Kiến thức giáo dục đại cương*

C1: Hiểu và vận dụng những kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, chính trị và pháp luật, công nghệ thông tin, ngoại ngữ và các vấn đề đương đại vào hoạt động nghề nghiệp ngành Quản lý Văn hóa.

** Kiến thức cơ sở ngành*

C2: Phân tích, đánh giá, vận dụng được được hệ thống tri thức về văn hóa, nghệ thuật, khoa học quản lý để lập luận, phân tích, xây dựng kế hoạch, tổ chức và quản lý các hoạt động nghiệp vụ văn hóa.

**Kiến thức chuyên ngành*

C3: Hiểu và vận dụng những kiến thức cơ bản và chuyên sâu của văn hóa Việt Nam vào thực tiễn hoạt động quản lý văn hóa.

C4: Hiểu, phân tích, đánh giá, vận dụng được những kiến thức nghiệp vụ về quản lý di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, quản lý dự án văn hóa, quản lý hoạt động nghệ thuật biểu diễn, quản lý nguồn nhân lực văn hóa, xây dựng văn hóa ở cơ sở, quản lý các thiết chế văn hóa để ứng dụng vào thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa.

- C5: Hiểu, phân tích, đánh giá và vận dụng được những kiến thức về tổ chức một chương trình nghệ thuật, lễ hội, sự kiện văn hóa ở cơ sở.

** Kiến thức bổ trợ*

C6: Hiểu, phân tích, đánh giá và vận dụng được kiến thức cơ bản, hệ thống về khoa học xã hội và nhân văn, quản lý văn hóa và văn hóa nghệ thuật.

C7: Hiểu, phân tích, đánh giá và vận dụng được những phương pháp nghiên cứu văn hóa, chiến lược phát triển hoạt động nghiệp vụ văn hóa trong ngành.

2. Kỹ năng

- C8: Nắm vững đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử và

có năng lực công tác, tích cực, chủ động trong hoạt động chuyên môn theo hướng phát triển và hiện đại.

C9: Có kỹ năng quản lý, nghiên cứu đề xuất chính sách văn hóa; chỉ đạo và giám sát việc thực hiện hoạt động văn hóa ở các thiết chế văn hóa và các tổ chức văn hóa xã hội khác trong cộng đồng.

C10: Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức, quản lý các chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật của quần chúng nhân dân, hoạt động sinh hoạt tập thể tại các cơ quan và địa phương như: marketing văn hóa nghệ thuật, tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa cơ sở, tổ chức và quản lý các thiết chế văn hóa, quản lý các hoạt động thông tin truyền thông, quản lý các hoạt động nghệ thuật, quản lý nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật, quản lý di sản, kỹ năng xây dựng và quản lý dự án văn hóa, phát triển văn hóa cộng đồng...

- C11: Xử lý tình huống, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề trong quá trình quản lý các hoạt động văn hóa tại địa phương, các vấn đề, sự kiện, hiện tượng nảy sinh trong hoạt động nghiệp vụ văn hóa.

- C12: Biết xây dựng kế hoạch nghề nghiệp tương lai của cá nhân trong lĩnh vực tổ chức hoạt động nghiệp vụ văn hóa. Thực hiện, vận dụng linh hoạt kỹ năng tạo động lực làm việc cho bản thân và đồng nghiệp.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- C13: Nhận thức và thể hiện được đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với xã hội và môi trường; có ý thức kỷ luật tốt và tuân thủ pháp luật; có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc; quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

- C14: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về văn hóa.

- C15: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

4. Về phẩm chất đạo đức

- Tiếp nhận và rèn luyện các phẩm chất đạo đức tốt đẹp, nếp sống văn hóa, lành

mạnh trong cộng đồng.

- Xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của người công dân, tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước. Có tinh thần cầu tiến, hợp tác với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc.

- Có phẩm chất đánh giá và chọn lọc những thái độ tích cực trong việc tự học, tự bồi dưỡng kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Có tinh thần tổ chức trách nhiệm và tác phong làm việc khoa học trong quá trình quản lý các hoạt động văn hóa nghệ thuật; biết kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của cộng đồng xã hội. Đấu tranh cho công bằng, dân chủ, văn minh của xã hội.

- Có tính cách tự giác, năng động, sáng tạo, có khả năng liên kết nghiên cứu khoa học, nắm vững đường lối chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật và ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa trong cộng đồng.

IV. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa 125 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức đại cương: 37 tín chỉ (chiếm 29.6 %), không tính các môn học GDTC, GDQP-AN

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 88 tín chỉ (chiếm 70.4%), *trong đó:*

- + Khối kiến thức cơ sở ngành: 28 tín chỉ (21.6%)

- + Khối kiến thức chuyên ngành: 48 tín chỉ (39.2%)

- + Khối thực tập, thực tế: 12 tín chỉ (chiếm 9.6 %).

Như vậy, sự phân chia khối lượng kiến thức giữa các phần như trên đảm bảo chất lượng của ngành đào tạo đại học Thông tin - Thư viện của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

V. THÔNG TIN TUYỂN SINH

- Theo quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, có sức khỏe đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức tuyển sinh thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường hằng năm.

- Dự kiến quy mô tuyển sinh

VI. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

VII. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

Theo Điều 22, Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Xếp loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Đạt (được tích lũy)	8,5 - 10	A	4,0
	7,8 - 8,4	B ⁺	3,5
	7,0 - 7,7	B	3,0
	6,2 - 6,9	C ⁺	2,5
	5,5 - 6,1	C	2,0
	4,8 - 5,4	D ⁺	1,5
	4,0 - 4,7	D	1,0
Không đạt	< 4	F	0

VIII. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý Văn hóa có thể công tác tại Sở và Phòng Văn hóa - Thể thao - Du lịch, các Trung tâm Văn hóa, Nhà văn hóa, Ban quản lý di tích, quản lý lễ hội, các cơ quan thuộc các Bộ văn hóa, các bộ ngành có tổ chức hoạt động văn hóa, văn hóa nghệ thuật nghệ thuật; các tổ chức, cơ quan chuyên trách văn hóa thuộc khu vực nhà nước hoặc tư nhân.

- Sinh viên sau khi ra trường có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công tác tại các tổ chức, cơ quan chuyên trách văn hóa thuộc khu vực nhà nước, tư nhân hay các tổ chức, cơ quan văn hoá, giáo dục có yếu tố nước ngoài.

- Thực hiện công tác tham mưu, quản lý, tổ chức điều hành các hoạt động văn hóa, đời sống văn hóa.

- Nghiên cứu và làm việc tại các trung tâm nghiên cứu khoa học và các cơ quan quản

lý nhà nước về văn hóa.

- Giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng, các trường nghiệp vụ về văn hoá - thông tin, chính trị - hành chính, các trường nghiệp vụ của các tổ chức xã hội (thanh niên, công đoàn).

- Quản lý nghiệp vụ tại các tổ chức, cơ quan thuộc ngành văn hoá - thông tin - du lịch (Sở VH,TT&DL các tỉnh; phòng VH,TT&DL các huyện Trung tâm văn hóa; UBND các xã; Nhà văn hóa, Ban quản lý di tích, quản lý lễ hội, các cơ quan chuyên trách nhà nước về Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Làm việc trong các công ty, tổ chức có hoạt động kinh doanh, dịch vụ văn hóa: công ty tổ chức sự kiện, công ty truyền thông, du lịch, các đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật, các điểm vui chơi, giải trí, bộ phận marketing và quan hệ công chúng của các tổ chức, doanh nghiệp.

- Làm việc như những nhân viên độc lập (freelancer) cho các chương trình, sự kiện, hay dự án văn hóa nghệ thuật.

- Kinh doanh độc lập dịch vụ văn hóa, chương trình, sự kiện, dự án văn hóa.

IX. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại Quản lý Văn hóa, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản lý Văn hóa Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản lý Văn hóa Trường Đại học Đồng Tháp.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại ngành Quản lý Văn hóa Trường Đại học Hạ Long

- Tài liệu tham khảo

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Công văn số 2196/BGDĐT- GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê

duyet Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- Luật Giáo dục Đại học số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Lê Thị Thảo